

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Huỳnh Trung Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Vào ngày 11/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 358/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Kim T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2019; biên bản hòa giải 04/02/2020 và tại phiên tòa chị Lê Kim T trình bày: Chị và anh Bùi Văn G tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 119 ngày 20/10/2015), thời gian đầu sống rất hạnh phúc và có 01 con chung tên Bùi Văn T, sinh ngày 08/10/2010. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do chuyện kinh tế, chi tiêu trong gia đình. Chị và anh G đã ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay, không thể hàn gắn lại được với nhau.

Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Văn T, sinh ngày 08/10/2010, hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại tờ tường trình ngày 04/02/2020 và đơn xin vắng mặt ngày 04/02/2020 anh Bùi Văn G trình bày: Thừa nhận anh và chị Lê Kim T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 119 ngày 20/10/2015). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Bùi Văn T, sinh ngày 08/10/2010. Về sau trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm do cãi nhau mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được.

Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý theo yêu cầu của chị Lê Kim T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Văn T, sinh ngày 08/10/2010, hiện đang sống với chị T, khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Kim T với anh Bùi Văn G là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau nên anh, chị đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ chồng chị hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng anh G không có mặt theo thông báo của Tòa án. Chứng tỏ rằng, không quan tâm gì đến hôn nhân của anh, anh cũng không muốn hàn gắn, chung sống lại với nhau. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh G là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh G có sinh được 01 con chung tên Bùi Văn T, sinh ngày 08/10/2010, hiện nay đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: từ khi chị T và anh G ly thân cho đến nay, cháu T do chị T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị T vẫn đảm bảo cho cháu T có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Hơn nữa, tại tờ tường trình ngày 04/02/2020, anh G cũng thống nhất giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng. Mặc

khác, tại bản khai ngày 23/12/2019, cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T, nghĩ nên tiếp tục giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh G được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị T trình bày chị và anh G không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại tờ tường trình ngày 04/2/2020 anh G cũng trình bày anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của chị T và anh G trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Kim T với anh Bùi Văn G, theo giấy chứng nhận kết hôn số 119 ngày 20/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Cho chị T và anh G được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của chị Lê Kim T với anh Bùi Văn G tên Bùi Văn T, sinh ngày 08/10/2010, cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Bùi Văn G không cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh Bùi Văn G được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí:

Chị Lê Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005755 ngày 23/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ